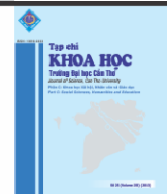




Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
website: sj.ctu.edu.vn



TỔ CHỨC DẠY HỌC NÊU VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Cao Ngọc Báu¹

¹ Trung tâm Giáo dục Quốc phòng, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 10/04/2015

Ngày chấp nhận: 14/08/2015

Title:

Application of problem solving method in teaching the national defence and security course at Can Tho University

Từ khóa:

Giáo dục quốc phòng và an ninh, phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, tình huống có vấn đề

Keywords:

National defence and security training, teaching and learning through problem solving, problem situations

ABSTRACT

Currently, improving the quality of the national defence and security training course at Can Tho University is necessary. This paper is a continuation of previous research precisely assessing the drawbacks in teaching the national defence and security training course. Hence, the writer of this paper suggests we should activate the teaching process through problem-solving method which has been proved to be of great success. This method has been playing an important role in activating learners to improve their results in the discipline; therefore it is confirming the feasibility of the method. Inevitably, the change in method is tightly interwoven with the change in school facilities and evaluating and testing procedures.

TÓM TẮT

Nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Cần Thơ hiện nay là cần thiết. Bài viết kế thừa kết quả nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng yếu kém trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh. Từ thực trạng đó, tác giả đề xuất tổ chức vận dụng phương pháp dạy học theo quan điểm tích cực mà cụ thể là dạy học nêu và giải quyết vấn đề vào giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh. Tác giả nhận thấy, việc tổ chức vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề vào trong quá trình dạy học đã đem lại hiệu quả rõ rệt và tương đối ổn định. Phương pháp này đã phát huy được tính tích cực, sáng tạo của người học, góp phần nâng cao kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng, an ninh và năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ. Từ đây có thể khẳng định tính khả thi khi giảng viên lựa chọn và vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp không thể tách rời với việc đổi mới phương tiện, hình thức tổ chức và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau thời gian nghiên cứu và khảo sát thực trạng hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Cần Thơ chúng tôi thấy rằng: ở Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Đại học Cần Thơ sử dụng phương pháp dạy học thuyết trình là chủ yếu. Hoạt động dạy học chủ yếu tập trung ở người thầy, sinh

viên còn thụ động trong việc tiếp thu bài học. Các phương pháp dạy học theo quan điểm dạy học tích cực như vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học đã được triển khai nhưng chưa đồng bộ nên hiệu quả dạy học còn nhiều hạn chế, chất lượng học tập của sinh viên chưa được nâng cao, sinh viên chưa hứng thú với môn học. Mặc dù sinh viên nhận thức đúng vai trò môn học,

nhưng do giảng viên chưa có nhiều phương pháp dạy học theo quan điểm tích cực nên sinh viên có thái độ và hành động như: ngủ gật, nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học. Vì vậy, nhiều sinh viên ngại học, chán học, dẫn đến yêu cầu và chất lượng dạy học của bộ môn chưa cao.

2 ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC

Để hình thành được tính tích cực học tập và năng lực giải quyết vấn đề của mỗi sinh viên, nâng cao hơn nữa kết quả, chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thì việc vận dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học theo quan điểm tích cực mà cụ thể là dạy học nêu và giải quyết vấn đề là cần thiết.

2.1 Các định hướng khoa học để tổ chức dạy học nêu và giải quyết vấn đề môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Cần Thơ

2.1.1 Định hướng nội dung

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật quân sự và thuộc nhóm các môn học chung, có tỉ lệ lý thuyết chiếm 70% chương trình môn học.

Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quản lý của nhà nước về quốc phòng và an ninh; về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Giáo dục quốc phòng và an ninh góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập trong nhà trường và khi ra công tác. Giảng dạy và học tập có chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là góp phần đào tạo cho đất nước một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ có ý thức, năng lực sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên mọi cương vị công tác.

2.1.2 Định hướng phương pháp

a. Thế nào là phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề?

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là: Giảng viên không trình bày tri thức theo một

trình tự có sẵn mà có sự sắp xếp lại tài liệu để đặt thành những tình huống có vấn đề, những mâu thuẫn kích thích người học phải suy nghĩ, phải tìm cách giải quyết. Qua đó, giúp học sinh nắm được các biện pháp của hoạt động nhận thức và lĩnh hội tri thức mới.

Bản chất của phương pháp dạy học này là: Trong quá trình học tập sinh viên vừa nắm được kiến thức, vừa nắm được phương pháp, tức là trong quá trình học có yếu tố tự nghiên cứu. Sinh viên gặp phải những mâu thuẫn, đó là mâu thuẫn giữa kiến thức đã biết với kiến thức cần nhận thức. Chính mâu thuẫn này làm cho sinh viên có ý muốn phải giải quyết.

b. Cách dạy cụ thể của phương pháp này như thế nào?

Trong dạy học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh người dạy phải cấu trúc một bài học theo phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề như sau:

Nêu vấn đề (xây dựng bài toán nhận thức): Tạo tình huống có vấn đề; phát hiện, nhận dạng vấn đề này sinh và phát hiện vấn đề cần giải quyết.

Giải quyết vấn đề nêu ra: Đề xuất cách giải quyết; lập kế hoạch giải quyết và thực hiện kế hoạch giải quyết.

Kết luận: Thảo luận kết quả và đánh giá; khẳng định hay bác bỏ giả thuyết nêu ra; phát biểu kết luận và đề xuất vấn đề mới.

Có thể phân biệt bốn mức trình độ nêu và giải quyết vấn đề:

Mức 1: Giảng viên nêu vấn đề, nêu cách giải quyết vấn đề. Sinh viên thực hiện cách giải quyết vấn đề theo hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên đánh giá kết quả làm việc của sinh viên.

Mức 2: Giảng viên nêu vấn đề, gợi ý để sinh viên tìm ra cách giải quyết vấn đề. Sinh viên thực hiện cách giải quyết vấn đề với sự giúp đỡ của giảng viên khi cần. Giảng viên và sinh viên cùng đánh giá.

Mức 3: Giảng viên cung cấp thông tin tạo tình huống có vấn đề. Sinh viên phát hiện và xác định vấn đề nảy sinh, tự đề xuất các giả thuyết và lựa chọn giải pháp. Sinh viên thực hiện cách giải quyết vấn đề. Giảng viên và sinh viên cùng đánh giá.

Mức 4: Sinh viên tự lực phát hiện vấn đề nảy sinh trong hoàn cảnh của mình, lựa chọn vấn đề giải quyết. Sinh viên giải quyết vấn đề, tự đánh giá

chất lượng, hiệu quả, có ý kiến bổ sung của giảng viên khi kết thúc.

Trong quá trình dạy học, cần chú ý sử dụng phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, đối thoại, thảo luận; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ các nội dung giảng dạy, học tập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.1.3 Định hướng phương tiện

Để đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của sinh viên, Nhà nước đã và đang đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh trong đó có Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Cần Thơ.

Tổ chức dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh phải bảo đảm đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được qui định trong danh mục và tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Khi thực hành các kỹ năng quân sự phải có sân tập, bãi tập, thao trường. Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho các trường đại học, cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành là tài liệu giảng dạy và nghiên cứu chính thức của giảng viên, sinh viên. Ngoài ra, sinh viên tìm đọc thêm tài liệu tham khảo đã được giới thiệu trong giáo trình để nâng cao kiến thức và sự hiểu biết về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.1.4 Định hướng đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên trình độ cao đẳng, đại học theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành, đồng thời thực hiện quy định tại Điều 12, 13, 14 của quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (*Ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần theo quy định; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên và có đủ 80% thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường sẽ được dự thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Mỗi sinh viên phải dự thi đủ các học phần quy định trong chương trình.

Đối với hình thức đào tạo theo niên chế:

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần tính theo thang điểm 10, bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó điểm thi kết thúc học phần phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần. Điểm học phần phải đạt từ 5 trở lên và làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là điểm trung bình cộng của điểm các học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Đối với hình thức đào tạo theo tín chỉ:

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần sau khi nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là điểm trung bình chung tổng các điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; không tính kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo điểm chữ.

3 TỔ CHỨC THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Xuất phát từ cấu trúc nội dung học phần 1 và xây dựng hệ thống các câu hỏi tình huống theo hướng giải quyết các tình huống có vấn đề, chúng tôi tiến hành thiết kế giáo án và tổ chức dạy thực nghiệm.

3.1 Mục đích thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng hiệu quả của việc vận dụng tổ chức dạy học nêu và giải quyết vấn đề học phần 1 môn Giáo dục quốc phòng và an ninh mà chúng tôi đề xuất. Từ đó, có kiến nghị và đề xuất tổ chức thực hiện hiệu quả ở đơn vị.

3.2 Nội dung thực nghiệm

Học phần 1: Đường lối quân sự

Bài 2: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Bài 3: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Bài 4: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

Bài 6: Nghệ thuật quân sự Việt Nam

3.3 Đối tượng và thời gian thực nghiệm

Đối tượng được chọn: Sinh viên học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh đợt 3, K39, Trường Đại

học Cần Thơ. Ở đề tài này, số sinh viên tham gia thực nghiệm là 124.

Thời gian: từ ngày 24/02/2014 đến ngày 16/03/2014, học kỳ 2 năm học 2013 - 2014.

Số buổi thực nghiệm: 6 buổi.

Thời gian thực nghiệm trong một buổi: 5 tiết.

3.4 Xây dựng bộ công cụ và chọn mẫu thực nghiệm

3.4.1 Xây dựng bộ công cụ thực nghiệm

Soạn giáo án theo dạy học nêu và giải quyết vấn đề, tiến hành dạy lớp thực nghiệm.

3.4.2 Chọn mẫu thực nghiệm

Đại đội 21 và 22 để dạy thực nghiệm; đại đội 23 và 24 để dạy đối chứng.

Lớp thực nghiệm và đối chứng do cùng một giảng viên dạy, thực nghiệm cùng một nội dung bài dạy theo hai phương pháp khác nhau: lớp thực nghiệm dạy theo phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, lớp đối chứng dạy theo phương pháp dạy học của giảng viên thường sử dụng.

3.5 Thu thập, phân tích, đánh giá kết quả thực nghiệm

3.5.1 Kết quả thực nghiệm về mặt định tính

Sau khi tiến hành tổ chức dạy thực nghiệm, người nghiên cứu tiến hành tổ chức họp trao đổi, rút kinh nghiệm với giảng viên dự giờ, các giảng viên trong tổ bộ môn và lãnh đạo Trung tâm. Qua trao đổi về các bài thực nghiệm, với những ý kiến đóng góp, trao đổi, nhận xét về bài thực nghiệm của các giảng viên đã giúp người nghiên cứu có thêm cơ sở thực tiễn về khả năng vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề dạy học phần 1: Đường lối quân sự mà chúng tôi đã đưa ra.

Phân tích và tiếp thu ý kiến về các bài dạy thực nghiệm người nghiên cứu nhận thấy đa số các ý kiến đều có chung những điểm cơ bản là:

Thứ nhất: Giờ dạy thực nghiệm thể hiện rõ

phương pháp, cách dạy khác hẳn so với giờ dạy học bình thường của khối lớp đối chứng. Giờ dạy học ở khối lớp đối chứng vẫn theo lối dạy học cũ, thầy thuyết trình là chính và đưa ra những câu hỏi vấn đáp chủ yếu là nhắc lại những kiến thức đã có trong sách, chưa đặt ra cho sinh viên những vấn đề làm kích thích sinh viên tự tìm tòi, giải quyết vấn đề. Trong khi đó giờ dạy học ở khối lớp thực nghiệm bằng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề đã phát huy được vai trò của người học, chú ý đến hoạt động tìm tòi của sinh viên trong việc giải quyết và lĩnh hội tri thức của bài học, sinh viên chủ động hơn trong giờ học.

Thứ hai: Dạy học theo giờ học thực nghiệm thì sinh viên phải làm việc nhiều hơn nhưng lại gây được sự hứng thú trong học tập. Sinh viên được tham gia tranh luận, thảo luận ý kiến của mình với nhóm, tổ và cả tập thể lớp về nội dung bài học làm cho giờ học sôi nổi hẳn lên. Từ đó sinh viên tiếp thu tri thức một cách chủ động. Trong khi đó ở khối lớp đối chứng thì giờ học trầm hơn, sinh viên thụ động trong việc tiếp nhận tri thức do giảng viên đưa ra. Về phía giảng viên thì cho rằng: giờ dạy thực nghiệm, giảng viên sẽ rất vất vả, mất thời gian cho việc chuẩn bị giáo án giờ học.

Thứ ba: Dạy học theo phương pháp nêu và giải quyết vấn đề sẽ kích thích sinh viên tự tìm tòi, giải quyết vấn đề, tự rút ra kết luận nhưng khi tiến hành giảng dạy thì lại sợ không giảng hết được nội dung kiến thức cơ bản trong giáo trình do thiếu thời gian.

Qua sự trao đổi, nhận xét, góp ý của đồng nghiệp, đa số các giảng viên đều thấy được tính khả thi và hiệu quả của phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề tuy nhiên cũng còn có những hạn chế mà trong quá trình giảng dạy cần phải khắc phục.

a. Thái độ học tập của sinh viên

Sau khi thực nghiệm người nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi để tìm hiểu thái độ của sinh viên 2 lớp đối chứng và lớp thực nghiệm.

Bảng 1: Mức độ hứng thú trong giờ học của sinh viên

TT	Thái độ của sv trong giờ học	Lớp đối chứng		Lớp thực nghiệm	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Ít thích	30	24	29	23,4
2	Thích	33	26,4	70	56,5
3	Rất thích	6	4,8	17	13,7
4	Chán, ghét	9	7,2	1	0,8
5	Bình thường	47	37,6	7	5,6

Kết quả (Bảng 1) cho chúng ta thấy học lớp thực nghiệm có 13,7% sinh viên rất thích và 56,5%

sinh viên thích học khi giảng viên vận dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề.

Lớp đối chứng chỉ có 4,8% sinh viên rất thích và 26,4% sinh viên thích học. Thái độ sinh viên chán, ghét học ở lớp đối chứng là 7,2% còn lớp thực nghiệm chỉ có 0,8%.

Như vậy, vận dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, sinh viên được tham gia hoạt động trực tiếp trong giờ học, được tự mình tham gia vào hoạt động học tập, qua bài học thì sinh viên biết được nhiều điều hay, bổ ích cho bản thân. Vì vậy, giờ học đạt hiệu quả, sinh viên thực sự thích thú và say mê với giờ học này.

Bảng 2: Mức độ tích cực trong giờ học của sinh viên

TT	Hành động của sv trong giờ học	Lớp đối chứng		Lớp thực nghiệm	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Trao đổi, thảo luận với bạn	37	29,6	93	75
2	Giơ tay phát biểu	13	10,4	52	41,9
3	Giải quyết tình huống có vấn đề	0		39	31,5
4	Nói chuyện, làm việc riêng	27	21,6	11	8,9
5	Ngủ gật	23	18,4	0	
6	Ghi, chép theo ý hiểu	21	16,8	112	90,3
7	Ghi, chép theo lời giảng viên là chính	104	83,2	12	9,7

Kết quả (Bảng 2) cho thấy ở lớp thực nghiệm sinh viên hoạt động tích cực, sôi nổi hơn như có: 75% sinh viên trao đổi, thảo luận với bạn; 41,9% sinh viên giơ tay phát biểu; 31,5% sinh viên tham gia giải quyết tình huống có vấn đề và 90,3% sinh viên ghi, chép có chọn lọc theo ý hiểu của mình. Còn ở lớp đối chứng tỉ lệ sinh viên giơ tay phát biểu, thảo luận rất thấp (chỉ có 10,4% và 29,6%), thậm chí không có sinh viên nào tham gia giải quyết tình huống có vấn đề. Nhưng sinh viên nói chuyện, làm việc riêng là 21,6% và ngủ gật là 18,4% sinh viên. Ghi chép chọn lọc theo ý hiểu rất ít mà chủ yếu ghi chép theo nguyên mẫu lời giảng của giảng viên với tỉ lệ 83,2% sinh viên.

Như vậy, ở lớp đối chứng, hầu hết các giảng viên đóng vai trò là người “độc diễn”, cứ giảng, cứ

Lớp đối chứng, có 61,6% sinh viên ít thích và thái độ bình thường với giờ học, thậm chí nhiều sinh viên không thích vì cho rằng môn học này trừu tượng, khô khan, sinh viên không được phát biểu ý kiến, giảng viên chỉ sử dụng phương pháp thuyết trình đơn điệu.

b. Tính tích cực học tập của sinh viên

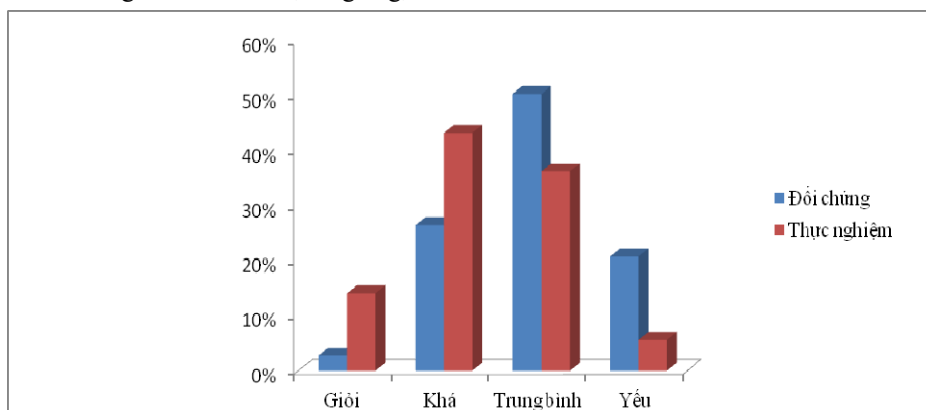
Từ kết quả kiểm tra, thái độ của sinh viên. Người nghiên cứu tiếp tục khảo sát mức độ tích cực của sinh viên trong giờ học.

đặt câu hỏi rồi lại tự mình trả lời những câu hỏi do mình đặt ra. Việc phát huy tính tích cực của sinh viên trong giờ học hầu như không được chú ý nhiều lắm. Do vậy, không tạo ra được tính tích cực, sáng tạo của sinh viên trong giờ học. Còn ở lớp thực nghiệm sinh viên tích cực tham gia vào giải quyết các tình huống có vấn đề là nguyên nhân chính hình thành hứng thú học tập của sinh viên và làm cho giờ học có hiệu quả hơn.

3.5.2 Kết quả thực nghiệm về mặt định lượng

a. Mức độ năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên

Để đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên, chúng tôi tiến hành kiểm tra sinh viên bằng 10 tình huống có vấn đề, trong thời gian 45 phút.



Hình 1: So sánh mức độ năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên

Bảng 3: Mức độ năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên

THCVĐ	Lớp đối chứng (125 SV)								Lớp thực nghiệm (124 SV)							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	0		23	18,4	72	57,6	30	24,0	9	7,3	41	33,1	68	54,9	6	4,8
2	0		27	21,6	73	58,4	25	20,0	10	8,1	44	35,5	62	50,0	8	6,5
3	2	1,6	38	30,4	55	44,0	30	24,0	19	15,3	51	41,2	45	36,3	9	7,3
4	5	4,0	35	28,0	59	47,2	26	20,8	21	16,9	53	42,7	30	24,2	10	8,1
5	7	5,6	43	34,4	52	41,6	23	18,4	25	20,2	55	44,4	33	26,6	11	8,9
6	2	1,6	38	30,4	63	50,4	22	17,6	14	11,3	55	44,4	48	38,7	7	5,6
7	4	3,2	36	28,8	61	48,8	24	19,2	19	15,3	61	49,2	39	31,5	5	4,0
8	1	0,8	29	23,2	60	48,0	35	28,0	15	12,1	55	44,4	48	38,7	6	4,8
9	0		25	20,0	70	56,0	30	24,0	13	10,5	57	46,0	47	37,9	7	5,6
10	13	10,4	37	29,6	65	52,0	10	8,0	30	24,2	64	51,7	30	24,2	0	
Tổng	34	2,7	331	26,5	580	50,4	250	16,8	175	14,1	711	43,3	450	36,3	69	5,6

Kết quả (Bảng 3) cho thấy năng lực giải quyết vấn đề mức độ giỏi ở lớp đối chứng chỉ có 2,7% sinh viên, trong khi đó lớp thực nghiệm là 14,3% sinh viên. Mức độ khá lớp thực nghiệm là 43,3% sinh viên, lớp đối chứng chỉ có 26,5% sinh viên. Mức độ yếu kém lớp đối chứng 14,1% sinh viên, trong khi đó lớp thực nghiệm chỉ có 5,6% sinh viên.

Như vậy, sinh viên lớp thực nghiệm có năng lực giải quyết vấn đề cao hơn so với sinh viên lớp đối chứng (Hình 1). Có thể nhận định việc tổ chức vận dụng dạy học nêu và giải quyết vấn đề đã phát huy được tính năng động chủ quan, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên.

b. Mức độ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sau khi kết thúc đợt dạy, chúng tôi tiến hành kiểm tra nhận thức của sinh viên để so sánh mức độ nhận thức giữa hai lớp thực nghiệm và lớp đối chứng.

Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra 90 phút. Đề bài gồm hai phần: phần trắc nghiệm và phần tự luận. Đề bài được sử dụng chung cho cả hai lớp, đánh giá theo thang điểm chuẩn như nhau.

– Loại giỏi: Điểm 8 đến 10; loại khá: Điểm 6,6 đến dưới 8; loại trung bình: Điểm 5 đến 6,5 và loại yếu, kém: Các điểm dưới 5

Cách kiểm tra và xử lý kết quả thực nghiệm được tiến hành theo các bước sau:

- Soạn câu hỏi kiểm tra theo mục tiêu bài dạy
- Cho sinh viên tiến hành làm bài kiểm tra

– Chấm bài kiểm tra của hai lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

– Xử lý kết quả kiểm tra để rút ra kết luận

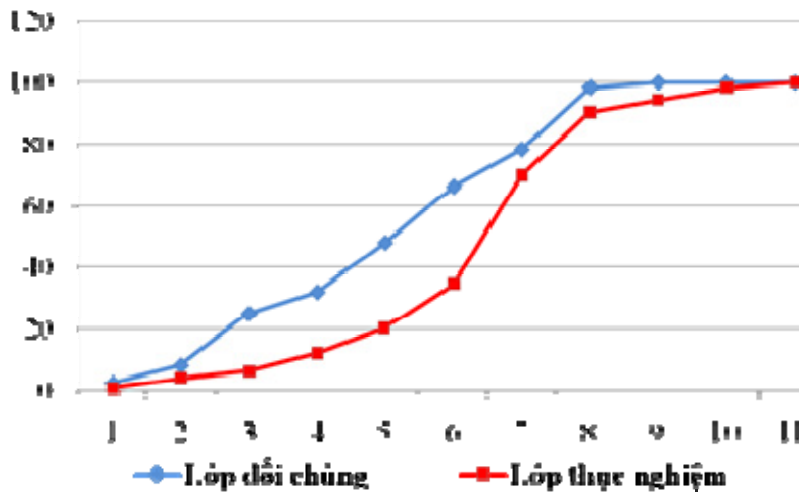
Về kết quả học tập của sinh viên, chúng tôi tiến hành chấm bài kiểm tra nhận thức của sinh viên và sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 16.0 để xử lý số liệu (Bảng 4).

Ta có giả thuyết H_0 : Điểm số trung bình của sinh viên giữa hai lớp đối chứng và thực nghiệm là không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê.

Giá trị P của kiểm định T là 0.000 (< 0.05) nên ta có thể bác bỏ giả thuyết H_0 và đưa ra lập luận rằng điểm số trung bình của sinh viên giữa hai lớp đối chứng và thực nghiệm là có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 5%. Điểm trung bình của các sinh viên lớp đối chứng là 6.21 điểm, độ lệch chuẩn là 1.03 cho thấy mức độ chênh lệch về điểm giữa các sinh viên trong lớp đối chứng là không cao. Tuy nhiên, điểm trung bình của các sinh viên lớp thực nghiệm là cao hơn lớp đối chứng với 6.86 điểm. Độ lệch chuẩn là 0.93 cũng cho thấy sự chênh lệch về điểm giữa các sinh viên lớp thực nghiệm là thấp. Ngoài ra, với phương pháp thống kê mô tả gồm các chỉ tiêu là tần số, tỷ trọng và tỷ trọng tích lũy cho ta thấy ở lớp đối chứng, số lượng sinh viên đạt loại trung bình và khá (từ 6.5 điểm trở xuống) chiếm 66% lớp, số lượng sinh viên đạt loại khá và giỏi (từ 7 điểm trở lên) chỉ chiếm gần 34%. Mặt khác, ở lớp thực nghiệm, số lượng sinh viên đạt loại khá và giỏi (từ 7.5 điểm trở lên) chiếm đến 65% tổng số sinh viên, còn lại số lượng sinh viên đạt điểm trung bình và kém chỉ ở mức 35%.

Bảng 4: So sánh sự khác nhau về điểm thi của sinh viên hai lớp đối chứng và thực nghiệm

Điểm	Lớp đối chứng			Lớp thực nghiệm		
	Tần số (sinh viên)	Tỷ trọng (%)	Tỷ trọng tích luỹ (%)	Tần số (sinh viên)	Tỷ trọng (%)	Tỷ trọng tích luỹ (%)
4	3	2.4	2.4	1	0.8	0.8
4.5	7	5.6	8.0	4	3.2	4.0
5	21	16.8	24.8	3	2.4	6.4
5.5	9	7.2	32.0	7	5.7	12.1
6	20	16.0	48.0	10	8.1	20.2
6.5	23	18.4	66.4	18	14.5	34.7
7	15	12.0	78.4	40	32.3	70.0
7.5	25	20.0	98.4	29	23.4	90.4
8	2	1.6	100.0	5	4.0	94.4
8.5	0	0.0	100.0	5	4.0	98.4
9	0	0.0	100.0	2	1.6	100.0
Số sinh viên			125			124
Điểm trung bình			6.21			6.86
Độ lệch chuẩn			1.03			0.93
Giá trị P của kiểm định T						0.000



Biểu đồ 1: Tỷ trọng tích lũy điểm thi của sinh viên hai lớp thực nghiệm và đối chứng

Bảng 5: So sánh sự khác nhau về xếp loại của sinh viên hai lớp đối chứng và thực nghiệm

Xếp loại	Lớp đối chứng		Lớp thực nghiệm		Tổng hai lớp	
	Tần số (sinh viên)	Tỷ trọng (%)	Tần số (sinh viên)	Tỷ trọng (%)	Tần số (sinh viên)	Tỷ trọng (%)
Kém	10	8.0	5	4.0	15	6.0
Trung bình	73	58.4	38	30.6	111	44.6
Khá	40	32.0	69	55.6	109	43.8
Giỏi	2	1.6	12	9.7	14	5.6
Tổng cộng	125	100.0	124	100.0	249	100.0
Giá trị P của kiểm định Chi bình phương						0.000

Ta có giả thuyết H_0 : Tỷ lệ xếp loại sinh viên giữa hai lớp đối chứng và thực nghiệm là như nhau.

Kết quả kiểm định chi bình phương cho thấy sự xếp loại của sinh viên giữa hai lớp đối chứng và thực nghiệm có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ở

mức 5%. Ở lớp đối chứng, nhóm sinh viên xếp loại trung bình có tỷ lệ cao nhất với 58.4%, tiếp theo lần lượt là các nhóm sinh viên loại khá với 32.0%, nhóm sinh viên loại kém (8%) và cuối cùng là nhóm sinh viên loại giỏi (1.6%). Mặt khác, ở lớp thực nghiệm, nhóm sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm sinh viên loại khá với 69 sinh viên, tương ứng với 55.6%. Kế đến là nhóm sinh viên loại trung bình với 30.6%. Cuối cùng là hai nhóm sinh viên loại giỏi và nhóm sinh viên loại kém, hai nhóm này lần lượt chiếm 9.7% và 4.0%.

Như vậy, kết quả học tập của lớp thực nghiệm đạt kết quả tốt hơn lớp đối chứng. Điều đó chứng tỏ việc vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề vào quá trình dạy học là có hiệu quả, góp phần nâng cao kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Việc tổ chức vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề vào trong quá trình dạy học đã đem lại hiệu quả rõ rệt và tương đối ổn định. Phương pháp này đã phát huy được tính tích cực, sáng tạo của người học, góp phần nâng cao kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ. Điều đó đã khẳng định được tính phù hợp, hiệu quả và khả thi của các kiểu và các hình thức dạy học của phương pháp nêu và giải quyết vấn đề đã lựa chọn. Từ đây có thể khẳng định tính khả thi khi giảng viên lựa chọn và vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2 Đề xuất

Để thực hiện các kiểu dạy học của phương pháp nêu và giải quyết vấn đề một cách có hiệu quả, chúng tôi xin đưa ra một số điều kiện cần thiết và những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hơn khi vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề với cấp quản lý nói chung và cả giảng viên trực tiếp giảng dạy.

Một là, hàng năm nhà trường cần tổ chức các đợt tập huấn về phương pháp, kỹ thuật dạy học theo quan điểm tích cực cho đội ngũ giảng viên của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh. Số lượng trong mỗi một lớp học nên có từ 50 đến 60 sinh viên.

Hai là, đổi mới phương pháp phải gắn liền với đổi mới về cơ chế, chính sách. Thực tế cho thấy việc giảng viên ngại sử dụng các phương pháp dạy tích

cực vì phải mất nhiều thời gian, công sức và trí tuệ, song nếu như đơn vị không có chính sách động viên, khuyến khích, ưu đãi gì thì giảng viên cũng rất ngại đổi mới. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy tình trạng giảng viên sử dụng phương pháp truyền thống còn rất nhiều. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên một phần là do khách quan (cơ sở vật chất không đảm bảo...). Tuy nhiên, cũng phải kể đến nguyên nhân chủ quan đó là do chính giảng viên không tích cực đổi mới.

Ba là, cùng với đổi mới phương pháp thì phải khuyến khích đổi mới hình thức tổ chức dạy học, cải tiến phương tiện dạy học và đầu tư cơ sở vật chất cho Trung tâm. Đồng thời phải đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả trong dạy học như kiểm tra tại lớp bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận cá nhân... Thay vì hết học phần, môn học kiểm tra bằng trắc nghiệm hay thực đơn thuần.

Bốn là, đội ngũ giảng viên của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Cần Thơ cần phải sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học, chú trọng các phương pháp dạy học theo quan điểm dạy học tích cực, mà cụ thể là phương pháp nêu và giải quyết vấn đề. Bởi vì phương pháp này đã có một số giảng viên vận dụng thường xuyên. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng không có phương pháp nào là vạn năng. Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề dù có tích cực đến đâu cũng không thể giữ vai trò độc nhất trong quá trình dạy học. Vì vậy, việc vận dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề trong quá trình dạy học không có nghĩa là loại bỏ hoàn toàn các phương pháp dạy học khác, mà tùy thuộc vào nội dung kiến thức, điều kiện hoàn cảnh cụ thể của quá trình dạy học, giảng viên có thể lựa chọn, sử dụng kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp dạy học khác nhau để phát huy được thế mạnh vốn có của phương pháp nêu và giải quyết vấn đề. Mặt khác cũng là để khắc phục những nhược điểm của phương pháp dạy học này. Đó là việc làm cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng - tập 1), Nxb giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2007.
2. Nguyễn Ngọc Bảo, Phát huy tính tích cực, tính tự lực của học sinh trong quá trình dạy học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ giáo viên, 1995.
3. Cao Ngọc Báu 2014. Thực trạng dạy học môn Giáo dục quốc phòng, an ninh ở

- Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 33: 114-121.
4. Thái Duy Tuyên, Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới, Nxb giáo dục, Hà Nội, 2008.
 5. Bùi Hồng Thái (2011), Xây dựng và sử dụng tình huống dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở đại học quân sự, học viện Chính trị Bộ quốc phòng.
 6. Nguyễn Chính Trung - Phạm Văn Lâm, Những vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học trong nhà trường Quân đội, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.
 7. Thông tư số: 40/2012/TT- BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.